

**Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel**

Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2013

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày.....tháng.....năm 20.....



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHỤ TRÁCH BAN NHÂN SỰ HÀNH CHÍNH**

*Lê Quốc Ngọc*





**Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel**

Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2013

**Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel**

**Thông tin về Công ty**

Giấy phép thành lập và hoạt động số 304/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 14 tháng 11 năm 2008.

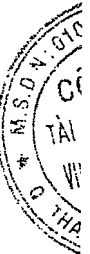
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103028379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 12 năm 2008.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch
	Ông Hoàng Anh Xuân	Phó chủ tịch
	Ông Tôn Lâm Tùng	Ủy viên
	Ông Lê Văn Bé	Ủy viên <i>(Thôi giữ chức từ ngày 1/1/2013)</i>
	Bà Bùi Bích Lân	Ủy viên <i>(Bỏ nhiệm ngày 31/1/2013.)</i>
	Ông Nguyễn Anh Sơn	Ủy viên <i>(Bỏ nhiệm ngày 31/1/2013)</i>
	Ông Thái Quốc Minh	Ủy viên

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Hoàng Trọng Đức	Tổng giám đốc
	Ông Vũ Sỹ Mạnh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

<b>Trụ sở đăng ký</b>	Tầng 1, Nhà 18T2 Khu Đô thị Trung Hòa – Nhân Chính Hà Nội, Việt Nam
-----------------------	---

<b>Đơn vị kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------



**Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel**

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 52 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hà Nội,

12 -03- 2014

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 6 đến 52.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như những đánh giá về việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.

## **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Tài Chính Cổ phần Vinaconex - Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan.

## **Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi muốn lưu ý đến các Thuyết minh 5 và 9 trong báo cáo tài chính:

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty chưa trích lập dự phòng cho hai khoản sau:
  - Số dư tiền gửi của Công ty tại một Công ty tài chính khác với giá trị ghi sổ là 79 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2012: 79 tỷ VND) đã đáo hạn từ ngày 11 tháng 8 năm 2012 nhưng chưa thu hồi được. Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết vấn đề này (Thuyết minh 5).
  - Trái phiếu doanh nghiệp trong khoản mục “Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán” với giá trị ghi sổ là 150 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2012: 150 tỷ VND) đã đáo hạn từ ngày 19 tháng 10 năm 2012 nhưng chưa thu hồi được. Khoản trái phiếu này đã được bảo lãnh bởi một ngân hàng thương mại cổ phần trong nước và trong thư bảo lãnh thanh toán ký ngày 24 tháng 10 năm 2011, ngân hàng thương mại cổ phần này cam kết thực hiện thanh toán cả gốc lẫn lãi cho Công ty trong trường hợp Công ty không nhận được thanh toán từ tổ chức phát hành trái phiếu. Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa nhận được thanh toán từ tổ chức phát hành trái phiếu và đã yêu cầu ngân hàng thương mại cổ phần này thực hiện nghĩa vụ thanh toán như cam kết trong thư bảo lãnh thanh toán. Tuy nhiên tại, ngân hàng thương mại cổ phần này chưa thực hiện thanh toán như được yêu cầu. Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết với các bên có liên quan cũng như các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết các vấn đề này (Thuyết minh 9).

Công ty đã gửi công văn đến Ngân hàng nhà nước đề nghị hướng dẫn việc trích lập khoản dự phòng cho hai khoản nói trên. Trong hai công văn trả lời của Ngân hàng Nhà nước số 1305/NHNN-TTGSNH ngày 1 tháng 3 năm 2013 (“Công văn số 1305”) và số 4956/NHNN-TTGSNH ngày 11 tháng 7 năm 2013 (“Công văn số 4956”), Công ty được hướng dẫn thực hiện việc trích lập dự phòng theo các quy định của Khoản 4 Điều 24 Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”). Tuy nhiên, do thời gian hiệu lực thi hành Thông tư số 02 đã được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh từ ngày 1 tháng 6 năm 2013 sang ngày 1 tháng 6 năm 2014 trong Thông tư số 12/2013/TT-NHNN ngày 27 tháng 5 năm 2013 (“Thông tư 12”), Công ty chưa trích lập dự phòng cho các khoản nói trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Khi Thông tư 02 có hiệu lực vào ngày 1 tháng 6 năm 2014, Công ty sẽ theo hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước tại Công văn số 1305 và Công văn số 4956 để tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản nói trên theo các quy định của Thông tư 02.

- Như được trình bày tại Thuyết minh số 31 trong báo cáo tài chính, trong năm 2013, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện thanh tra báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và đã điều chỉnh lại một số khoản mục của báo cáo tài chính này. Công ty đã thực hiện điều chỉnh số liệu so sánh đã được thanh tra theo kết quả của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước.

### Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán tiền nhiệm này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nhưng đưa ra một số vấn đề cần nhấn mạnh đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 1 năm 2013.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-126



Đàm Xuân Tâm  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Tâm Anh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2014

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>		
<b>I</b>	<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước</b>	<b>4</b>	<b>59.148.287.839</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi và tiền vay tại các tổ chức tín dụng khác</b>		<b>1.273.402.893</b>
		<b>387.545.854.172</b>	<b>1.256.979.944.604</b>
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	5	387.545.854.172
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	5	718.259.593.604
3	Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	545.713.200.000
			(6.992.849.000)
<b>III</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>		<b>616.459.801.450</b>
1	Cho vay khách hàng	7	351.091.094.153
3	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	363.669.184.372
			(12.578.090.219)
<b>IV</b>	<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>9</b>	<b>500.000.000.000</b>
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		200.000.000.000
			200.000.000.000
<b>V</b>	<b>Góp vốn đầu tư dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>1.000.000.000</b>
4	Đầu tư dài hạn khác		1.000.000.000
			1.000.000.000
<b>VI</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>27.053.592.664</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	11	25.135.470.023
A	Nguyên giá		24.439.912.678
B	Hao mòn tài sản cố định		30.181.495.825
2	Tài sản cố định vô hình	12	(5.741.583.147)
A	Nguyên giá		695.557.345
B	Hao mòn tài sản cố định		956.059.000
			(260.501.655)
<b>VII</b>	<b>Tài sản có khác</b>	<b>13</b>	<b>1.175.396.346.361</b>
1	Các khoản phải thu		1.527.436.785.093
2	Các khoản lãi, phí phải thu		1.231.769.026.463
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		13.579.563.911
4	Tài sản có khác		-
5	Dự phòng cho các tài sản có khác		282.170.892.389
			(82.697.670)
	<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>2.551.357.491.280</b>
			<b>3.578.163.087.972</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.



	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
<b>B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>I Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>14</b>	<b>627.000.000.000</b>	<b>1.631.213.200.000</b>
1 Tiền gửi từ các tổ chức tín dụng khác	14	30.000.000.000	1.047.000.000.000
2 Tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác	14	597.000.000.000	584.213.200.000
<b>II Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>15</b>	<b>290.000.000.000</b>	<b>251.090.000.000</b>
<b>III Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay các TCTD chịu rủi ro</b>		-	<b>300.000.000.000</b>
<b>IV Các khoản nợ khác</b>		<b>546.905.015.034</b>	<b>290.749.705.124</b>
1 Các khoản lãi, phí phải trả		16.213.595.858	45.951.170.959
2 Các khoản phải trả và công nợ khác	16	530.691.419.176	244.779.503.728
3 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng		-	19.030.437
<b>Tổng nợ phải trả</b>		<b>1.463.905.015.034</b>	<b>2.473.052.905.124</b>
<b>V Vốn và các quỹ</b>	<b>17</b>	<b>1.087.452.476.246</b>	<b>1.105.110.182.848</b>
1 Vốn của tổ chức tín dụng		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
a Vốn điều lệ		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2 Các quỹ		49.058.537.492	39.167.070.665
3 Lợi nhuận chưa phân phối		38.393.938.754	65.943.112.183
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.551.357.491.280</b>	<b>3.578.163.087.972</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

		31/12/2013	31/12/2012
		VND	VND
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
<b>I</b>	<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>	-	1.537.391.550
1	Bảo lãnh	-	1.537.391.550
<b>II</b>	<b>Các cam kết đưa ra</b>	-	1.000.000.000
1	Cam kết khác	-	1.000.000.000

Người lập:

Đoàn Thị Hà Thu  
Kế toán

Người duyệt:

Vũ Sỹ Mạnh  
Kế toán Trưởng



Hoàng Trọng Đức  
Tổng Giám đốc

12 -03- 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

	Thuyết minh	2013 VND	2012 (Đã điều chỉnh lại) VND	
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	19	218.260.222.523	453.523.172.970
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	20	(134.489.717.441)	(279.845.679.431)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>83.770.505.082</b>	<b>173.677.493.539</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		487.533.794	3.651.417.163
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		-	(286.111.497)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>21</b>	<b>487.533.794</b>	<b>3.365.305.666</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>		<b>360.817.732</b>	<b>153.282.060</b>
<b>IV</b>	<b>Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>		<b>21.527.745</b>	<b>(2.054.071.233)</b>
5	Thu nhập hoạt động khác	22	70.359.748.126	26.806.667.845
6	Chi phí hoạt động khác		(38.481.776.184)	(386.517.295)
<b>V</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>		<b>31.877.971.942</b>	<b>26.420.150.550</b>
<b>VI</b>	<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>		<b>100.000.000</b>	<b>39.517.808</b>
<b>VII</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>23</b>	<b>(23.170.380.744)</b>	<b>(22.817.492.469)</b>
<b>VIII</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>93.447.975.551</b>	<b>178.784.185.921</b>
<b>IX</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>24</b>	<b>(41.629.544.970)</b>	<b>(90.403.229.940)</b>
<b>X</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>51.818.430.581</b>	<b>88.380.955.981</b>
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	(13.423.155.897)	(22.363.220.641)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	25	(1.335.930)	(74.623.157)
<b>XI</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(13.424.491.827)</b>	<b>(22.437.843.798)</b>
<b>XII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>38.393.938.754</b>	<b>65.943.112.183</b>
<b>XIII</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>18</b>	<b>384</b>	<b>659</b>

Người lập:



Đoàn Thị Hà Thu  
Kế toán

Người lập:




Vũ Sỹ Mạnh  
Kế toán Trưởng

Hồng Trọng Đức  
Tổng Giám đốc

12 -03- 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	254.102.289.784	465.982.291.905
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(164.227.292.542)	(292.639.897.553)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	487.533.794	3.365.305.666
04 Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	382.345.477	(1.900.789.173)
06 Thu nhập khác	43.202.141.581	23.703.429.533
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(18.709.045.495)	(25.735.621.278)
08 Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(8.523.060.532)	(32.254.278.762)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>	<b>106.714.912.067</b>	<b>140.520.440.338</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>		
09 Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	750.319.866.667	604.271.133.334
10 Chứng khoán kinh doanh	300.000.000.000	100.000.000.000
12 Cho vay và ứng trước cho khách hàng	350.517.432.279	(56.164.209.443)
13 Giảm nguồn bù đắp dự phòng để bù đắp các khoản tổn thất	(106.576.218.926)	-
11 Tài sản hoạt động	(426.258.114.273)	(641.558.209.480)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>		
16 Tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	(1.004.213.200.000)	(1.820.064.800.000)
17 Tiền gửi của khách hàng	38.910.000.000	(353.960.000.000)
19 Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(300.000.000.000)	204.500.000.000
21 Công nợ hoạt động	275.048.034.967	(586.839.946.550)
22 Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	-	(6.640.308.770)
<b>I Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(15.537.287.219)</b>	<b>(2.415.935.900.571)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
01 Mua sắm tài sản cố định	-	(5.298.006.862)
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	100.000.000	39.517.808
<b>II Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>100.000.000</b>	<b>(5.258.489.054)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

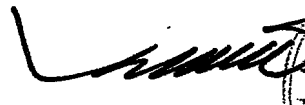
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
04 Chi trả cổ tức	(52.794.900.600)	(99.998.564.950)
<b>III Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(52.794.900.600)</b>	<b>(99.998.564.950)</b>
<b>IV Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(68.232.187.819)</b>	<b>(2.521.192.954.575)</b>
<b>V Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm</b>	<b>435.926.329.830</b>	<b>2.957.119.284.405</b>
<b>VII Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm (Thuyết minh 26)</b>	<b>367.694.142.011</b>	<b>435.926.329.830</b>

Người lập:

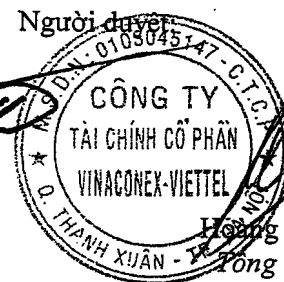


Đoàn Thị Hà Thu  
Kế toán

Người duyệt:



Vũ Sỹ Mạnh  
Kế toán Trưởng



Hồng Trọng Đức  
Tổng Giám đốc

12 -03- 2014